

BÁO CÁO
Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025
của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

I. Căn cứ.

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014.
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP.
- Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần ban hành kèm theo Nghị quyết số 60/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/5/2021 của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.
- Căn cứ Kế hoạch hoạt động Ban Kiểm soát PV Power năm 2025 được Đại hội Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP thông qua tại Nghị quyết số 34/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2025.

II. Cơ sở thẩm định.

- Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty mẹ Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP do Deloitte phát hành theo thư kiểm toán số 0639/VN1A-HN-BC ngày 12/3/2025.
- Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP do Deloitte phát hành theo thư kiểm toán số 0640/VN1A-HN-BC ngày 12/3/2025.

III. Nội dung thực hiện.

- Rà soát việc trình bày các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được lập ngày 31/12/2025 đảm bảo phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Đánh giá việc lựa chọn, áp dụng các chính sách kế toán chủ yếu, tính phù hợp, nhất quán trong việc áp dụng các chính sách và tính hợp lý của các ước tính của Tổng Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.
- Xem xét, trao đổi với kiểm toán viên độc lập về những nội dung ngoại trừ, hoặc trọng yếu khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính.

IV. Giới hạn phạm vi thực hiện.

- Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Kiểm soát thực hiện thẩm định trên cơ sở số liệu, báo cáo do Ban Tài chính Kế toán của Tổng công ty lập, cung cấp và không thực hiện xem xét hồ sơ, chứng từ kế toán chi tiết hình thành số liệu phản ánh trên Báo cáo tài chính của Tổng công ty.

- Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên, các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty.

V. Kết quả thẩm định.

- Báo cáo tài chính năm 2025 đã phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty mẹ, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế, theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành, thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ theo đúng các quy định hiện hành.

- Báo cáo tài chính năm 2025 đã được thực hiện kiểm toán theo qui định tại Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam là đơn vị được chọn thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Tổng công ty.

- Trong năm 2025, PV Power đã thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm bảo toàn vốn gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh: Thực hiện chế độ quản lý sử dụng vốn, phân phối lợi nhuận, chế độ tài chính, chế độ kế toán theo quy định của pháp luật; Mua bảo hiểm đầy đủ cho các tài sản thuộc sở hữu của PV Power theo quy định; Trích lập các khoản dự phòng bao gồm trích trước chi phí bảo dưỡng sửa chữa định kỳ các NMD, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

- Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính công ty mẹ PV Power sau kiểm toán tại thời điểm 31/12/2025 không có ngoại trừ, kiểm toán độc lập chỉ nêu 01 vấn đề nhấn mạnh về việc tại ngày lập báo cáo tài chính năm 2025 các cơ quan

có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025

Năm 2025, có rất nhiều yếu tố khách quan biến động ảnh hưởng đến sản lượng, doanh thu của Công ty mẹ cũng như toàn Tổng công ty: các nhà máy điện của TCT bị giao Qc thấp do chính sách EVN ưu tiên huy động điện từ nguồn năng lượng tái tạo; thiếu khí tại khu vực Đông Nam bộ dẫn đến NM Điện Nhơn Trạch 1 không được huy động và Qc giao rất thấp; thời tiết mưa bão nhiều nên nhiệt giảm dẫn đến giá thị trường toàn phần (FMP) bình quân năm thấp hơn bình quân các năm trước, trong khi đó giá nhiên liệu khí/ chi phí biến đổi vẫn ở mức cao; giá thị trường thấp hơn chi phí biến đổi nên mục tiêu lựa chọn vận hành là cân đối lợi nhuận và tiêu thụ hết khí, tránh phát sinh khí trả trước. Tuy nhiên, tập thể Ban Lãnh đạo PV Power đã cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đoàn kết triển khai đồng bộ và hiệu quả nhiều giải pháp. Kết quả các chỉ tiêu chính đạt được như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ %	
					KH/TH	TH 2025/2024
I	Số liệu công ty mẹ					
1	Tổng doanh thu	23 960	30.790	25.760,24	84%	108%
2	Lợi nhuận trước thuế	1079,7	773	1.732,90	224%	160%
3	Lợi nhuận sau thuế	928,7	739	1.683,99	228%	181%
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	789,14	248	547,82	221%	69%
II	Số liệu hợp nhất					
1	Tổng doanh thu	31 736	38.185	35.359,16	93%	111%
2	Lợi nhuận trước thuế	995	493	3.234,26	656%	325%
3	Lợi nhuận sau thuế	823,2	439	3.007,14	685%	365%
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	1262,61	734	1174,44	160%	93%

Mặc dù doanh thu Công ty mẹ và doanh thu toàn Tổng công ty thấp hơn so với kế hoạch đề ra, tuy nhiên cao hơn so với năm 2024: Doanh thu Công ty Mẹ đạt 25.760,24 tỷ đồng (bằng 84% kế hoạch và 108% so với năm 2024); Doanh

thu toàn Tổng công ty đạt 35.359,16 tỷ đồng (bằng 93% kế hoạch và 111% so với năm 2024).

Lợi nhuận cao hơn nhiều so với kế hoạch và so với năm 2024. Lợi nhuận trước thuế Công ty Mẹ năm 2025 là 1.732,9 tỷ đồng (bằng 224% kế hoạch và 160% so với năm 2024); Lợi nhuận trước thuế toàn Tổng công ty năm 2025 là 3.234,26 tỷ đồng (bằng 656% kế hoạch và 325% so với năm 2024). Nguyên nhân lợi nhuận của Công ty Mẹ tăng là do cổ tức được chia từ các công ty có vốn chi phối và các công ty liên kết tăng hơn so với kế hoạch và so với năm 2024. Lợi nhuận toàn Tổng công ty tăng là do kết quả SXKD của các công ty có vốn chi phối như Công ty CP ĐLDK Nhơn Trạch, Công ty CP Thủy điện Hòa na, Công ty CP Thủy điện Đakrinh, Công ty CP Năng lượng tái tạo ĐLDK tốt hơn so với dự kiến cũng như so với năm 2024.

2. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản Công ty mẹ PV Power

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2024	31/12/2025	Đánh giá
I	Cơ cấu tài sản				
1	Tài sản dài hạn /Tổng tài sản	%	66,87%	64,76%	Giảm
2	Tài sản ngắn hạn /Tổng tài sản	%	33,13%	35,24%	Tăng
II	Cơ cấu nguồn vốn				
1	Nợ phải trả /Tổng nguồn vốn	%	56,38%	59,07%	Tăng
2	Nguồn vốn chủ sở hữu /Tổng nguồn vốn	%	43,62%	40,93%	Giảm
3	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,29	1,44	Tăng
III	Nhóm chỉ tiêu khả năng thanh toán				
1	Hệ số khả năng thanh toán nợ tổng quát	Lần	1,77	1,69	Giảm
2	Hệ số khả năng thanh toán hiện hành	Lần	0,8	1,01	Tăng
3	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,75	0,94	Tăng
V	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS)	%	5,27%	6,73%	Tăng
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA)	%	1,77%	2,33%	Tăng
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	4,06%	5,39%	Tăng

❖ **Cơ cấu tài sản Công ty mẹ:** Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2025 là 76.320,58 tỷ đồng, tăng 8.180,43 tỷ đồng, tương đương tăng 12,01% so với thời điểm 31/12/2024. Trong đó, tài sản dài hạn chiếm 64,76% trong tổng tài sản, giảm

2,11% so với thời điểm 31/12/2024; tương ứng tài sản ngắn hạn chiếm 35,24% trong tổng tài sản, tăng 2,11% so với thời điểm 31/12/2024. Tổng tài sản tăng chủ yếu ở các khoản mục: Đầu tư tài chính ngắn hạn (tăng 6.391,85 tỷ đồng); Phải thu ngắn hạn của khách hàng (tăng 2.168,73 tỷ đồng); tài sản cố định (tăng 22.513,49 tỷ đồng) và giảm chủ yếu ở các khoản mục: Tiền và các khoản tương đương tiền (giảm 5.294 tỷ đồng); chi phí xây dựng cơ bản dở dang (giảm 18.855,49 tỷ đồng do hoàn thành đầu tư NMD NT3,4).

❖ **Cơ cấu nguồn vốn:** Cơ cấu nguồn vốn biến động theo chiều hướng gia tăng mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính. Tỷ lệ nợ phải trả/tổng nguồn vốn tăng từ 56,38% (31/12/2024) lên 59,07% (31/12/2025). Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn giảm từ 43,62% (31/12/2024) xuống còn 40,93% (31/12/2025). Nợ phải trả tại thời điểm ngày 31/12/2025 là 45.085,82 tỷ đồng, tăng 6.666,77 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2024, nợ ngắn hạn chiếm 59,17% tổng giá trị nợ phải trả, nợ dài hạn chiếm 40,83% tổng nợ phải trả.

- Nợ ngắn hạn tại 31/12/2025 là 26.678,32 tỷ đồng, giảm 1.606,13 tỷ đồng tương đương giảm 5,68% so với thời điểm 31/12/2024.

- Nợ dài hạn tại thời điểm 31/12/2025 là 18.407,5 tỷ đồng, tăng 8.272,9 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2024 chủ yếu do tăng nợ vay dài hạn cho dự án NMD Nhơn Trạch 3,4.

+ Nợ vay các TCTD dài hạn đến 31/12/2025 là 17.863,07 tỷ đồng, tăng 9.506,43 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2024.

+ Dự phòng phải trả dài hạn đến thời điểm 31/12/2025 là 2.033,3 tỷ đồng.

❖ **Hệ số bảo toàn vốn:** tại 31/12/2025 là 1,05 lần. (Vốn CSH tại thời điểm 31/12/2025 là 31.234,76 tỷ đồng/ Vốn CSH tại thời điểm 31/12/2024 là 29.721,09 tỷ đồng).

❖ **Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu:** thời điểm 31/12/2025 là 1,44 lần > 1 , cho thấy công ty đang hoạt động dựa vào vốn vay nhiều hơn VCSH, tài sản của công ty chủ yếu là do các khoản nợ vay vốn bên ngoài tài trợ đi kèm với áp lực trả nợ ở những năm sau sẽ cao. Tuy nhiên hệ số nợ vẫn đang < 3 , vẫn ở ngưỡng an toàn và do Tổng công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nên tỷ lệ này phù hợp với giai đoạn phát triển của Tổng công ty.

❖ **Hệ số thanh toán:** Tại thời điểm 31/12/2025, ngoại trừ hệ số khả năng thanh toán nợ tổng quát (Tổng tài sản/Nợ phải trả) là 1,94 lần, giảm so với 31/12/2024, nhưng vẫn > 1 , các hệ số khả năng thanh toán hiện hành, hệ số thanh

toán nhanh đều tăng so với 31/12/2024. Hệ số khả năng thanh toán nợ tổng quát >1 và hệ số thanh toán hiện hành là 1,01>1 cho thấy khả năng thanh toán của TCT vẫn đáp ứng Tuy nhiên, hệ số thanh toán nhanh là 0,94<1 cho thấy tiềm ẩn khó khăn trong thanh toán các khoản nợ đến hạn.

❖ Các tỷ suất lợi nhuận:

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS): 6,73% nghĩa là 100 đồng doanh thu sẽ mang lại 6,73 đồng lợi nhuận sau thuế;
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): 5,39% nghĩa là 100 đồng vốn chủ sở hữu sẽ tạo ra 5,39 đồng lợi nhuận sau thuế;
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA): 2,33% nghĩa là 100 đồng tài sản của công ty sẽ tạo ra 2,33 đồng lợi nhuận sau thuế.

Các chỉ số này đều tăng so với cùng kỳ 2024 do chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế có mức tăng cao hơn mức tăng các chỉ tiêu doanh thu, Tổng tài sản, VCSH.

3. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản trên BCTC hợp nhất Tổng công ty

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2024	31/12/2025	Đánh giá
I	Cơ cấu tài sản				
1	Tài sản dài hạn /Tổng tài sản	%	62,48%	58,24%	Giảm
2	Tài sản ngắn hạn /Tổng tài sản	%	37,52%	41,76%	Tăng
II	Cơ cấu nguồn vốn				
1	Nợ phải trả /Tổng nguồn vốn	%	56,60%	58,00%	Tăng
2	Nguồn vốn chủ sở hữu /Tổng nguồn vốn	%	43,40%	42,00%	Giảm
3	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,3	1,38	Tăng
III	Nhóm chỉ tiêu khả năng thanh toán				
1	Hệ số khả năng thanh toán nợ tổng quát	Lần	1,77	1,72	Giảm
2	Hệ số khả năng thanh toán hiện hành	Lần	0,9	1,17	Tăng
3	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,84	1,10	Tăng
V	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS)	%	4,00%	8,50%	Tăng
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA)	%	1,61%	3,57%	Tăng
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	3,49%	8,08%	Tăng

❖ **Cơ cấu tài sản:** Tổng tài sản hợp nhất tại thời điểm 31/12/2025 là 88.611,93 tỷ đồng, tăng 8.696,9 tỷ đồng, tương đương tăng 10,88% so với thời điểm 31/12/2024. Trong đó, tài sản dài hạn là 51.604,08 tỷ đồng, chiếm 58,24% trong tổng tài sản, giảm 4,24% so với thời điểm 31/12/2024; tài sản ngắn hạn là 37.007,85 tỷ đồng, chiếm 41,76% trong tổng tài sản, tăng 4,24% so với thời điểm 31/12/2024. Tổng tài sản hợp nhất tăng chủ yếu ở các khoản mục: Đầu tư tài chính ngắn hạn (tăng 8.418,98 tỷ đồng); Phải thu ngắn hạn của khách hàng (tăng 3.076,06 tỷ đồng); Tài sản cố định (tăng 21.467,69 tỷ đồng) và giảm chủ yếu ở các khoản mục: Tiền và các khoản tương đương tiền (giảm 5.377,13 tỷ đồng); Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (giảm 18.849,64 tỷ đồng), chi phí trả trước dài hạn (giảm 1.099,14 tỷ đồng chủ yếu là do khoản chi phí nhiên liệu khí vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 là 1.039,51 tỷ đồng).

- Nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng (BCTC Hợp nhất) tại thời điểm 31/12/2025 là 14.196,97 tỷ đồng, chiếm 16% tổng tài sản, tăng 3.076,06 tỷ đồng, tương đương với tăng 27,66% so với thời điểm 31/12/2024.

- Đầu tư tài chính ngắn hạn (BCTC hợp nhất) tại thời điểm 31/12/2025 là 12.530,86 tỷ đồng, tăng 8.418,98 tỷ đồng, tương ứng tăng 3,04 lần so với thời điểm 31/12/2024. Đây là các khoản tiền gửi tại các NHTM với kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng.

- Tài sản cố định (BCTC hợp nhất) tại thời điểm 31/12/2025 là 45.788,89 tỷ đồng, chiếm 51,67% tổng tài sản, tăng 21.467,69 tỷ đồng, tương đương với tăng 188,27% so với thời điểm 31/12/2024.

- Tài sản dở dang dài hạn (BCTC hợp nhất) tại thời điểm 31/12/2025 là 909,2 tỷ đồng, giảm 18.849,64 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2024, chủ yếu do đã hoàn thành đầu tư dự án NMD Nhơn Trạch 3,4, chuyển sang ghi nhận tăng TSCĐ.

- Tài sản dài hạn khác (BCTC hợp nhất) tại thời điểm 31/12/2025 là 4.057,5 tỷ đồng, giảm 1.030,38 tỷ đồng, tương đương giảm 20,25% so với cùng kỳ năm 2024.

❖ **Cơ cấu nguồn vốn:** Tỷ lệ nợ phải trả/tổng nguồn vốn tăng từ 56,66% (31/12/2024) lên 58% (31/12/2025), tương ứng tỷ lệ Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn giảm từ 43,34% (31/12/2024) xuống 42% (31/12/2025). Nguyên nhân do Nợ phải trả tăng 6.161,62 tỷ đồng, tương đương tăng 13,62% và Nguồn vốn chủ sở hữu tăng 2.535,27 tỷ đồng tương đương tăng 7,31% so với 31/12/2024 (chủ yếu do các cổ đông góp vốn theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất

thường năm 2025 số 73/NQ-ĐHĐCĐ về ngày 25 tháng 9 năm 2025 về việc Thông qua Phương án chào bán/phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Tổng công ty. Trong năm 2025, TCT cũng ghi nhận chuyển sử dụng nguồn quỹ đầu tư phát triển dùng cho dự án NMD NT3,4).

- Nợ phải trả (BCTC hợp nhất) tại thời điểm 31/12/2025 là 51.396,02 tỷ đồng, trong đó: Nợ phải trả người bán ngắn hạn là 14.897,66 tỷ đồng, nợ phải trả các tổ chức tín dụng là 28.887,06 tỷ đồng. Nợ phải trả tăng tập trung ở khoản nợ phải trả các tổ chức tín dụng (tăng 9.209,39 tỷ đồng).

+ Khoản phải trả người bán ngắn hạn (BCTC hợp nhất) đến thời điểm 31/12/2025 là 14.879,66 tỷ đồng, giảm so với cùng kỳ năm ngoái 846,48 tỷ đồng tương đương giảm 5,38%.

❖ **Hệ số bảo toàn vốn:** tại thời điểm 31/12/2025 là 1,07 lần. (Vốn CSH tại thời điểm 31/12/2025 là 37.215,91 tỷ đồng/Vốn CSH tại thời điểm 31/12/2024 là 34.680,63 tỷ đồng). Cho thấy Tổng công ty PV Power bảo toàn được vốn chủ sở hữu.

❖ **Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu :** thời điểm 31/12/2025 là 1,38 lần (không vượt quá 3 lần theo quy định).

❖ **Hệ số thanh toán:** Tại thời điểm 31/12/2024, hệ số thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/Nợ phải trả) là 1,72 lần. Hệ số khả năng thanh toán hiện hành là 1,17 lần. Hệ số thanh toán nhanh là 1,1 lần. Các hệ số phản ánh khả năng thanh toán đều tăng so với cùng kỳ năm 2024 và vẫn duy trì mức ≥ 1 , thể hiện tình hình tài chính của Tổng công ty trong ngưỡng an toàn.

❖ **Tỷ suất lợi nhuận (BCTC hợp nhất):** Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS) là 8,5%; tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) là 8,08 tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) là 3,57%. Các chỉ số ROA, ROE đều tăng so với cùng kỳ 2024 do lợi nhuận sau thuế năm 2025 tăng so với cùng kỳ 2024.

4. Kiến nghị

Hội đồng quản trị PV Power tiếp tục chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ:

- Tập trung công tác quản trị dòng tiền và các giải pháp thu xếp vốn để đảm bảo nguồn vốn trả nợ, đáp ứng nhu cầu thường xuyên của hoạt động SXKD. Tiếp tục thực hiện các biện pháp thu hồi công nợ, đặc biệt đối với các khoản công nợ quá hạn.

- Tiếp tục (1) làm việc với EVN về tỷ lệ phân bổ khí cho các hộ tiêu thụ tại Cà Mau nhằm thu hồi phần chênh lệch giá khí chưa được EVN/EPTC thanh toán; (2) làm việc với PV GAS/EVN về phương án cụ thể cấp khí LNG bổ sung cho NMD Nhơn Trạch 1; (3) làm việc với PV GAS/EVN phương án cấp khí cho NMD Cà Mau 1&2 sau năm 2027 và các phương án đảm bảo cấp khí cho NMD Cà Mau 1, 2 sau năm 2027.